kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 07/09/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L10.CK1.010

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cùng một nhiệt kế lần lượt hiển thị $M_A = 22\ ^\circ\text{C}$, $M_B = 13\ ^\circ\text{C}$. Mô hình mỗi lần là $M_i = T_i + b + \varepsilon_i$: b giống hệt ở hai lần, chưa biết trong $[-1; 1]\ ^\circ\text{C}$ | $\varepsilon_A| \le 0,3\ ^\circ\text{C}$, | $\varepsilon_B| \le 0,3\ ^\circ\text{C}$. Hai sai số riêng độc lập về giới hạn, không giả định phân bố xác suất. Khoảng chặt nhất của hiệu nhiệt độ thật là gì?

A. $[6,4; 11,6]\ ^\circ\text{C}$. **B.** $[8,4; 9,6]\ ^\circ\text{C}$. **C.** $[8,7; 9,3]\ ^\circ\text{C}$. **D.** $[9; 9]\ ^\circ\text{C}$.

Câu 2. Lực nào sau đây do Trái Đất tác dụng lên vật?

A. Lực kéo của động cơ.
B. Lực đẩy Archimedes.
C. Trọng lực.
D. Lực cản của không khí.

Câu 3. Hai lực kế đặt vuông góc nhau chỉ 32 N và 60 N. Thay chúng bằng một lực kế đơn kéo vòng nhẫn về đúng vị trí cũ thì lực kế ấy chỉ 67, 5 N. Chênh lệch giữa giá trị đo và hợp lực tính theo quy tắc hình bình hành bằng

A. 24, 5 N **B.** 0, 5 N **C.** 67, 5 N **D.** 68 N

Câu 4. Lực căng của một sợi dây có đặc điểm nào sau đây?

A. Hướng dọc theo dây, đẩy vật ra xa dây.
B. Vuông góc với sợi dây.
C. Luôn có độ lớn bằng trọng lượng của vật treo.
D. Hướng dọc theo dây, kéo vật về phía dây.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây đúng về sự rơi tự do?

A. Gia tốc rơi tự do như nhau ở mọi nơi trên Trái Đất.
B. Vật rơi tự do chuyển động thẳng đều.
C. Vật nặng rơi nhanh hơn vật nhẹ.
D. Ở cùng một nơi, mọi vật rơi tự do đều có cùng gia tốc, không phụ thuộc khối lượng.

Câu 6. Nội dung nào sau đây là đối tượng nghiên cứu của Vật lí?

A. các dạng vận động của vật chất và năng lượng
B. phản ứng tạo chất mới từ các chất ban đầu
C. nguồn gốc và diễn biến của các sự kiện lịch sử
D. quy luật lên xuống của giá cả thị trường

Câu 7. Hệ quy chiếu gồm những gì?

A. Vật làm mốc gắn với hệ toạ độ, cùng một mốc thời gian và đồng hồ.
B. Chỉ gồm đồng hồ và mốc thời gian.
C. Gồm vật chuyển động và quãng đường nó đi được.
D. Chỉ gồm hệ toạ độ gắn với vật làm mốc.

Câu 8. Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một vật gồm hai đoạn thẳng: đoạn thứ nhất nối $(0\text{ s};\ 0\text{ m})$ với $(8\text{ s};\ 39\text{ m})$, đoạn thứ hai nối $(8\text{ s};\ 39\text{ m})$ với $(17\text{ s};\ 39\text{ m})$. Vận tốc trung bình của vật trong cả 17 s bằng (làm tròn đến hàng phần mười).

A. $39\,\text{m/s}$ **B.** $2,4\,\text{m/s}$ **C.** $2,3\,\text{m/s}$ **D.** $4,9\,\text{m/s}$

Câu 9. Gia tốc của một vật được định nghĩa là

A. vận tốc chia cho thời gian chuyển động.

B. độ biến thiên quãng đường chia cho thời gian.

C. quãng đường chia cho bình phương thời gian.

D. độ biến thiên vận tốc chia cho khoảng thời gian xảy ra biến thiên đó.

Câu 10. Số $0,506$ có bao nhiêu chữ số có nghĩa?

A. 2 **B.** 4 **C.** 3 **D.** 5